N TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 104/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2019
"***V/v Xin ly hôn***"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp.**
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông **Đoàn Văn Phồi**;
- Bà **Lý Thị Bé Năm**;

Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: ***Không tham gia***.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*: Nguyễn Văn H,** sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
- ***Bị đơn***: **Võ Thị Kim C,** sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(*anh H có mặt, chị C vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Anh và chị Võ Thị Kim C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C theo trích lục giấy chứng nhận kết hôn số 1028 ngày 08/7/2019. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến những năm sau này thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra anh cũng nhiều lần thuyết phục chị C nhưng không thể hàn gắn tình cảm được. Nay thấy tình cảm không còn anh H xin ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 12/8/2005 và cháu Nguyễn H, sinh ngày 01/01/2013 hiện đang sống với anh H. Khi ly hôn anh H yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Võ Thị Kim C vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H và chị Võ Thị Kim C tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo trích lục giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1028 ngày 08/7/2019 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Võ Thị Kim C vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị C.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, nguyên nhân anh H cho rằng vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra anh H cố gắng hòa giải để hàn gắn gia đình chăm lo con chung nhưng không thể hàn gắn được. Nay thấy tình cảm không còn nên anh xin ly hôn với chị C.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị C theo trình bày của anh H đã xảy ra và kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng, anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Tòa án nhiều lần mời chị C đến hòa giải đoàn tụ nhưng chị C không đến. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 12/8/2005 và cháu Nguyễn H, sinh ngày 01/01/2013 hiện đang sống với anh H. Theo nguyện vọng của 02 cháu và khi ly hôn anh H yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H.***

- ***Về tình cảm***: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Võ Thị Kim C.

- ***Về con chung:*** Giao cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 12/8/2005 và cháu Nguyễn H, sinh ngày 01/01/2013 hiện đang sống với anh H. Anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- ***Về án phí HNST:***

Anh Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0000028 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy. Như vậy, xem như anh H đã nộp xong.

Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị C được quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Thanh Hòa;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp